

II. CÁC KHOẢN THU CHI KHÁC

TT	Nội dung	Số liệu năm học 2023-2024	Số liệu quyết toán năm 2024-2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....			
1	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính			
1.1	Số dư năm trước chuyển sang			
	Mức thu :	10.000đ/hs/ngày	10.000đ/hs/ngày	
1.2	Tổng số thu trong năm	586 220 000	563 600 000	
1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	586 220 000	563 600 000	
1.4	Số chi trong năm	586 220 000	563 600 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	574 495 600	552 328 000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	11 724 400	11 272 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			
	- Chi phúc lợi			
	- Chi khác:.....			
1.5	Số dư cuối năm			
2	Hỗ trợ nấu ăn, phục vụ chăm ăn, quản lý vệ sinh bán trú			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	616,592		
	Mức thu :	100.000đ/hs/tháng	120.000đ/hs/tháng	
2.2	Tổng số thu trong năm	376 446 000	381 720 000	
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	377 062 592	381 720 000	
2.4	Số chi trong năm	377 062 592	381 720 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	369,521,340	374 085 600	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	7 541 252	7 634 400	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			
	- Chi phúc lợi			
	- Chi khác:.....			
2.5	Số dư cuối năm			



3	Ngày thứ 7 cho trẻ mầm non			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	-		
	Mức thu :	50.000đ/hs/ngày	50.000đ/hs/ngày	
2.2	Tổng số thu trong năm	118 880 000	134 950 000	
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	118 880 000	134 950 000	
2.4	Số chi trong năm	118 880 000	134 950 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	116,502,400	132,251,000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2 377 600	2 699 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			
	- Chi phúc lợi			
	- Chi khác:.....			
2.5	Số dư cuối năm			
II	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...			
1	Học tiếng anh giáo viên nước ngoài			
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		2 747 030	
	Mức thu :	27.500 đ/hs/tiết	27.500 đ/hs/tiết	
1.2	Tổng số thu trong năm	161 590 000	274 340 000	
1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	161 590 000	277 087 030	
1.4	Số chi trong năm	158 842 970	269 594 220	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	137 351 500	233 189 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	21 006 700	35 664 200	
	- Chi phúc lợi			
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	484 770	823 020	
1.5	Số dư cuối năm	2 747 030	7 492 810	
III	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,			
1	Tiền ăn bán trú			
1.1	Dư năm trước chuyển sang			

	Mức thu :	23.000đ/hs/ngày	25.000đ/hs/ngày	
1.2	Tổng thu	1,416,662,000	1 361 255 000	
1.3	Đã chi	1 416 662 000	1 361 255 000	
1.4	Dư			
2	Tiền chất đốt			
2.1	Dư năm trước chuyển sang	2 800		
	Mức thu :	2.000đ/hs/ngày	2.000đ/hs/ngày	
2.2	Tổng thu	123,188,000	118 370 000	
2.3	Đã chi	123,190,800	118 196 000	
2.4	Dư		174 000	
3	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân trẻ			
3.1	Dư năm trước chuyển sang			
	Mức thu :	Học sinh mới : 360.000đ/hs/năm học; Học sinh cũ : 200.000đ/năm học	Học sinh mới : 360.000đ/hs/năm học; Học sinh cũ : 200.000đ/năm học	
3.2	Tổng thu	100,220,000	90 800 000	
3.3	Đã chi	100,220,000	90 800 000	
	Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc bán trú	100 220 000	90 800 000	
3.4	Dư			
IV	Vận động tài trợ cho giáo dục			
1	Tiền vận động tài trợ giáo dục			
1.1	Dư năm trước chuyển sang			
	Mức thu :			
1.2	Tổng thu	91,600,000		
1.3	Đã chi	91 600 000		
1.4	Dư			

An Quang, ngày 04 tháng 07 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Cúc